

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Năm báo cáo 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
I.1. Thông tin khái quát	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	5
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
I.4. Định hướng phát triển	8
I.5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	13
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
II.2. Tổ chức và nhân sự	14
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	18
II.4. Tình hình tài chính	20
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	21
II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	22
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23
III.1. Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2019	23
III.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
III.3. Tình hình tài chính	26
III.4. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2018	27
III.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).	27
III.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	27
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	28
IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	28
IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	28
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	28
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	29
V.1. Hội đồng quản trị	29
V.2. Ban Kiểm soát	32
V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.	33
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	34
VI.1. Ý kiến kiểm toán	34
VI.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	35

I. THÔNG TIN CHUNG

I.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103016836 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 17/4/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 08 năm 2007, thay đổi lần thứ hai vào ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20/9/2010 (số mới 0102222393).
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
- Số điện thoại: 024.3512.39.39 Số fax: 024.3512.38.38 Website: heid.vn
- Mã cổ phiếu: EID.
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay):

Năm 2007

- o Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là Công ty thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- o Công ty được thành lập với số vốn điều lệ ban đầu là 80.000.000.000 đồng.
- o Công ty là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016836 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 17/04/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 30 tháng 08 năm 2007, thay đổi lần thứ hai vào ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20/9/2010 (mã số doanh nghiệp 0102222393).

Năm 2009:

- o Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán EID và được niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 11/8/2009.
- o Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: tặng bằng khen đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2009.

Năm 2010:

- Tháng 6/2010, vốn điều lệ của Công ty được tăng lên 150.000.000.000 đồng.
- NXBGDVN: Tặng cờ luân lưu và cúp đơn vị xuất sắc toàn diện của NXBGDVN cho HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2010.

Năm 2011:

- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: khen tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc cho Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cờ và cúp đặc biệt xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty HEID - đơn vị đạt kết quả kinh doanh xuất sắc toàn diện dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2011.

Năm 2012:

- Ngày 30/3/2012, hoàn thành việc tiếp nhận Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công về làm công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
- Thủ tướng chính phủ: tặng bằng khen Công ty HEID – NXBGDVN: “Đã có thành tích trong công tác từ năm 2008 đến năm 2010 góp phần vào việc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc”.
- NXBGDVN tặng cờ và cúp đặc biệt xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty HEID – là một trong hai đơn vị đạt kết quả kinh doanh xuất sắc toàn diện dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2012.

Năm 2013:

- Ngày 30/3/2012, hoàn thành việc tiếp nhận Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công về làm công ty con của Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc cho Công ty HEID là một trong 3 đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2013.

Năm 2014:

- Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trao cúp cho Công ty nằm trong top 30 doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất trên tổng số 521 doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2014.

Năm 2015:

- Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3 cho Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2015.

Năm 2016:

- NXBGDVN tặng cúp Đặc biệt Xuất sắc tiêu biểu cho Công ty HEID - đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống NXBGDVN năm 2016.

Năm 2017:

- NXBGDVN tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2017” cho Công ty HEID.

Năm 2018:

- NXBGDVN tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2018” cho Công ty HEID.

Năm 2019:

- NXBGDVN tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2019” cho Công ty HEID.
- NXBGDVN tặng danh hiệu “Đơn vị đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh xuất sắc tiêu biểu năm 2019” cho Công ty HEID.
- Dưới sự chỉ đạo của NXBGDVN, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ biên soạn Bộ sách giáo khoa lớp 1 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và được Hội đồng thẩm định Quốc gia thông qua, được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt làm tài liệu sử dụng trong các cơ sở giáo dục từ năm học 2020-2021.

- Các sự kiện khác

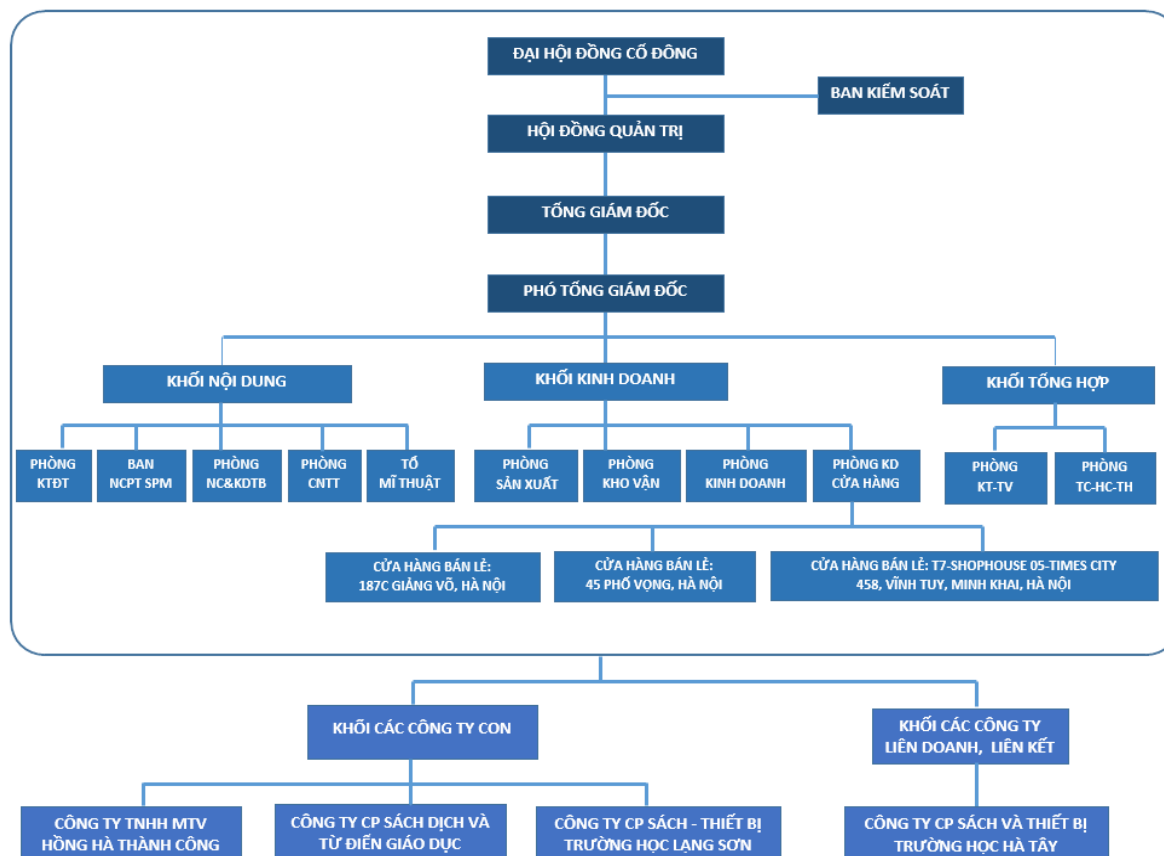
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo, thiết bị, phần mềm phục vụ dạy và học.
- Địa bàn kinh doanh: địa bàn chính 29 tỉnh thành phố khu vực miền Bắc.

I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

– Mô hình quản trị : Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Luật doanh nghiệp và mô hình Công ty Mẹ - Công ty con.

– Cơ cấu bộ máy quản lý



– Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của HEID (%)
I	Công ty con				
1	Công ty TNHH MTV Hồng Hà – Thành Công	K3B, ngõ 6A Thành Công, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	110	100

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỉ lệ sở hữu của HEID (%)
2	Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Tòa nhà VP HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục; biên soạn các loại từ điển, sách tra cứu, sổ tay và các loại sách tham khảo phục vụ phát triển giáo dục và nâng cao dân trí.	3	89
3	Công ty CP Sách – TBTH Lạng Sơn	Số 162 Bà Triệu, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, Lạng Sơn	Ngành nghề kinh doanh chính: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, tổng hợp các loại.	3	66
II	Công ty liên kết				
1	Công ty CP. Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Số 72 Bà Triệu, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng học sinh; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa v.v.	20,5	46,34

I.4. Định hướng phát triển

I.4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.
- Doanh thu năm 2020: 553 tỷ đồng
- Lợi nhuận năm 2020: 47 tỷ đồng

I.4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí.
- Tập trung mọi nguồn lực về tài lực, vật lực, tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tiếp tục tổ chức thực hiện thành công bộ sách giáo khoa mới và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu chủ trương của Nhà nước “Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Tiếp tục hoàn thành các bộ sách giáo khoa mới các lớp tiếp theo (sách giấy, sách điện tử, thiết bị dạy học).
- Năm 2020 vẫn phải tiếp tục đầu tư vốn cho việc biên soạn SGK mới, nhưng vẫn cố gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cố tức như năm 2019.
- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.
- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.
- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

I.4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Vẫn tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của Công ty theo hướng chiều sâu.
- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự, tổ chức thực hiện Nghị quyết TW 8 về đổi mới căn bản và toàn diện về Giáo dục Đào tạo.
- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường lành mạnh.
- Công ty đã có nhiều năm thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ đối với xã hội và cộng đồng, chung tay chung sức cùng chính quyền thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình các thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho quỹ trẻ em Việt Nam, trao tặng hàng trăm suất quà và sách vở cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ các chương trình Giáo dục khác...
- Cấp phát tài liệu miễn phí cho giáo viên.

I.5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường).

I.5.1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam sẽ phải dè chừng nguy cơ từ xu thế tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Thế giới trong thập niên tới, mâu thuẫn chính trị, chính sách tiền tệ khó dự đoán của các nước, nợ công cao sẽ mang đến những thách thức lớn khó lường.

Nhìn chung, các tổ chức quốc tế đều đánh giá kinh tế thế giới năm 2020 tiếp tục xu hướng giảm, cộng với tác động từ dịch bệnh Covid-19 lên Thế giới sẽ làm nền kinh tế các ngành nói chung và ngành xuất bản nói riêng suy giảm nhanh hơn. Đồng thời khi ấy nhu cầu về giáo dục sẽ bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn là một trong những ngành tiềm năng vì Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, nhu cầu đối với giáo dục đào tạo lớn. Đây cũng là một bước chuyển mình trong giai đoạn khó khăn, tiếp cận gần hơn với công nghệ 4.0 trong giáo dục nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại hiện nay và cũng là động lực thúc đẩy nền giáo dục phát triển hòa nhập với xu thế mới của Thế giới.

I.5.2. Rủi ro về luật pháp

Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới chương trình và SGK, theo đó sẽ có một chương trình và có nhiều bộ sách giáo khoa bắt đầu được áp dụng từ năm 2020. Vì vậy, nếu HEID không chủ động để nắm bắt, xây dựng chiến lược và kế hoạch nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế này thì sẽ bị ảnh hưởng.

I.5.3. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của HEID theo đánh giá thì không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình sản xuất của HEID lại là giấy và mực in, đây là hai loại nguyên liệu cần sử dụng một lượng lớn các hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường để xử lý, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất cũng cần đến một lượng lớn nguyên liệu như điện, nước, xăng, dầu... Với nhu cầu ngày càng cao thì nhu cầu sử dụng các nguồn năng lượng trên càng lớn.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, HEID ưu tiên sử dụng các nguyên liệu từ sản phẩm tái chế, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nguyên liệu.

I.5.4. Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Kể từ khi được công bố chính thức vào Tháng 12/2019 thì dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của Virus Corona đã và đang có nhiều tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế xã hội, không chỉ ở Trung Quốc, các quốc gia lân cận mà còn lây lan đến rất nhiều quốc gia trên thế giới. Diễn biến phức tạp trong thời gian gần đây cho thấy thời điểm kiểm soát dịch còn chưa xác định được.

Dịch bệnh khiến cho môi trường chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu càng trở nên bất trắc, thúc đẩy tâm lý phòng vệ, do đó làm suy yếu động lực đầu tư. Như vậy, dịch đã ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới, đình trệ trong sản xuất kinh doanh, suy giảm nhu cầu tạm thời từ Trung Quốc đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng tới tăng trưởng của khu vực và toàn cầu. Việt Nam có đường biên giới dài với Trung Quốc và là trung tâm giao thương sầm uất nên việc tắc biên, tạm ngưng giao thương đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam.

Thị trường tài chính được coi là hàn thử biểu cho sức khỏe tài chính của một nền kinh tế và niềm tin, kỳ vọng của nhà đầu tư vào triển vọng sinh lời của các doanh nghiệp và tăng

trường kinh tế. Những cú sốc tiêu cực như dịch bệnh Covid-19 đưa đến khung cảnh kinh tế ảm đạm, giảm niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, và đưa đến các điều chỉnh sụt giảm. Ở đây, tiêu dùng giảm, hoạt động xuất nhập khẩu gặp khó khăn là các nguyên nhân chính.

Đối với ngành Giáo dục nói riêng, đây là lần đầu tiên mà học sinh không được đến trường trong thời gian quá dài...chính vì thế việc sản xuất và kinh doanh của Công ty cũng bị ngừng trệ, gián đoạn. Đầu ra của sản phẩm là việc phát hành sách và các sản phẩm giáo dục trong nửa đầu năm chắc chắn bị giảm sút...bên cạnh đó, đầu vào của công ty cũng gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu chính (giấy) của công ty là nhập khẩu, việc dịch bệnh toàn cầu đã khiến cho các nguồn cung cấp khan hiếm, chậm trễ...

I.5.5. Rủi ro đặc thù

Nền kinh tế thị trường cùng với việc hội nhập đặt ra cho HEID nhiều những cơ hội cũng như nhiều thách thức mới. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần dần cơ chế độc quyền kinh doanh, hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ gây sức ép tới mọi hoạt động của Công ty, buộc Công ty phải luôn đổi mới và có những chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ phù hợp.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của HEID là xuất bản, phát hành sách trong đó sách bổ trợ và sách tham khảo là chủ yếu; in các loại lịch; kinh doanh thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các sản phẩm giáo dục khác như phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm,...

Mặt hàng sách giáo khoa: Năm nay là năm đầu tiên Công ty thực hiện việc biên soạn, in ấn và phát hành mặt hàng sách giáo khoa mới theo chương trình giáo dục phổ thông. Đây là cơ hội nhưng cũng là thách thức của doanh nghiệp khi chính thức kinh doanh mặt hàng SGK cạnh tranh với các Bộ SGK khác trên thị trường. Do đặc thù kinh doanh trong giáo dục, nhất là đối với mặt hàng SGK ngoài việc đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả nhưng vẫn phải đảm bảo nhiệm vụ chính trị của ngành nên đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược, tính kế hoạch cao, ví như việc tính toán nhu cầu lựa chọn sách của các cơ sở giáo dục phải chuẩn xác để đáp ứng kịp thời, đồng bộ không được để xảy ra tình trạng học sinh không có sách khi đến trường...trong khi đó vẫn phải đảm bảo hiệu quả tối ưu trong sản xuất kinh doanh.

Mặt hàng sách bổ trợ: Mặt hàng này chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những thay đổi hàng năm của mặt hàng sách giáo khoa. Khi sách giáo khoa được bổ sung, sửa đổi và cập nhật kéo theo sự thay đổi tương ứng của sách bổ trợ. Do đó trong trường hợp công ty in ấn và phát hành quá nhiều so với nhu cầu thực tế thì số sách này cũng khó tiêu thụ trong những

năm tiếp theo. Ngoài ra từ năm 2020 bắt đầu thay sách giáo khoa mới từ lớp 1, việc này cũng sẽ ảnh hưởng đến sản lượng sách bổ trợ.

Mặt hàng sách tham khảo: Kết quả kinh doanh của mặt hàng này phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của sách và việc nắm bắt nhu cầu thị trường của Công ty. Trên thực tế hiện nay tình trạng in lậu trái phép, xuất bản tràn lan những sách tham khảo có nội dung gắn với sách giáo khoa của một số nhà xuất bản và một số tư nhân gây ảnh hưởng lớn đến tình hình phát hành của Công ty mà không dễ gì để có thể khắc phục được. Do sự hấp dẫn về doanh thu nên nhiều Nhà xuất bản bắt đầu tham gia vào lĩnh vực xuất bản sách tham khảo và tính cạnh tranh mặt hàng này ngày càng gay gắt.

Mặt hàng thiết bị giáo dục: Đối với mặt hàng này yếu tố giá cả đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến việc kinh doanh của Công ty. Đây là mặt hàng đặc thù, do đó đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị thuộc ngành giáo dục phần lớn trong địa bàn khu vực phía Bắc. Tuy nhiên, với lợi thế Công ty là nhà cung cấp chính trong địa bàn khu vực phía Bắc và thường nhập hàng dựa trên đơn đặt hàng của các công ty Sách thiết bị - trường học địa phương, các trường học, cơ quan và công sở nên rủi ro đầu ra của Công ty là không lớn.

Học liệu điện tử: Hiện nay với tình hình hội nhập với Thế giới nói chung và nước nhà nói riêng, việc công nghệ thông tin đang rất phát triển rộng rãi trong mọi lĩnh vực, đối với Giáo dục lại càng là vấn đề thiết yếu. Vì vậy, HEID cũng đang trong quá trình hoàn thiện, thử nghiệm và đưa vào đại trà bộ học liệu điện tử đi kèm sách phục vụ giáo viên và học sinh trên cả nước.

Nguyên vật liệu: hoạt động chính của Công ty là biên soạn, in ấn và phát hành nên chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm một tỉ trọng lớn. Cụ thể, chi phí nguyên vật liệu chiếm 36% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, mọi biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty luôn chủ động trong việc dự trữ nguyên vật liệu đầu vào tại những thời điểm thích hợp.

Nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn đòi hỏi Công ty phải luôn không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển. Muốn vậy, Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Chỉ tiêu sản lượng**

TT	Mảng sách	Kế hoạch (bản)	Thực hiện (bản)	TL % TH/KH	TL % TH/CK
I	Sách Bổ trợ	26.500.000	31.058.952	117,2%	105,7%
	1. SBT Tiểu học	18.620.000	21.752.571	116,8%	105,2%
	2. SBT THCS	5.755.000	6.809.645	118,3%	108,3%
	3. SBT THPT	2.125.000	2.496.736	117,5%	102,9%
II	Sách Tiếng Anh mới	6.300.000	6.922.014	109,9%	111,3%
	1. Sách từ lớp 3 đến 12	6.300.000	6.766.427	107,4%	108,8%
	2. Lớp 1,2 (Macmilan)		100.130		81,7%
	3. Sách Tiếng Anh 3S		12.162		329,1%
	4. Sách Let's learn		43.295		73,0%
III	Sách Hướng dẫn học VNEN	3.000.000	3.651.099	121,7%	89,0%
IV	Sách tham khảo và các SPGD khác	5.500.000	5.899.062	107,3%	93,0%
Tổng cộng:		41.300.000	47.531.127	115,1%	102,8%

- **Các chỉ tiêu kinh tế**

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019 (tỷ đồng)	Thực hiện (Công ty mẹ) 2019 (đồng)	Thực hiện (hợp nhất) 2019 (đồng)	TL % TH (Công ty mẹ so với KH)	TL % TH (Công ty mẹ so với CK)
1	Tổng doanh thu	515	639.212.702.328	652.590.350.767	124	108,7
2	Lợi nhuận trước thuế	46	49.826.769.108	57.100.013.879	108,3	104,7
3	Lợi nhuận sau thuế		39.972.821.431	45.363.135.395		107
4	Cổ tức	13%	13%		100	100
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2.619		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển sản xuất, Quỹ dự phòng, v.v.....					

II.2. Tổ chức và nhân sự

II.2.1. Danh sách Ban điều hành:

Ông: Vũ Bá Khánh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty

Họ và tên:	Vũ Bá Khánh
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	12/3/1947
Địa chỉ thường trú:	Q1, khu tập thể Tô Hiệu, phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Đông, Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Khoa Toán Đại học Sư phạm, Quản lí kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ năm 1968 đến năm 1982:	Chuyên viên Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây
+ Từ năm 1983 đến năm 1986:	Phó Giám đốc, Quyền Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây
+ Từ năm 1987 đến năm 2007:	Giám đốc Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây
Từ năm 2007 đến nay:	Chủ tịch HĐQT Công ty Sách và Thiết bị trường học Hà Tây
Từ năm 2007 đến tháng 4/2011:	Ủy viên HĐQT - Giám đốc (nay là Tổng Giám đốc) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2011 đến nay:	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
Từ tháng 3/2012 đến nay:	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
Số cổ phần:	Số cổ phần của cá nhân là 30.525 cổ phần, chiếm 0.2% vốn điều lệ
Cổ phần của những người liên quan:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Bà: Trần Thị Như Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Trần Thị Như Hà
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	6/12/1961
Địa chỉ thường trú:	Ngõ 189, Nhà 9/29, Giảng Võ – Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác:	
Từ tháng 2/1982 đến tháng 12/1993:	Nhân viên Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 1/1994 đến tháng 6/2002:	Cửa hàng trưởng Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 7/2002 đến tháng 10/2004:	Trưởng phòng chỉ đạo kinh doanh II Công ty Sách và Thiết bị trường học
Từ tháng 11/2004 đến tháng 6/2005:	Trưởng phòng chỉ đạo kinh doanh II Công ty Sách thiết bị và Xây dựng trường học
Từ tháng 7/2005 đến tháng 7/2005:	Giám đốc Trung tâm Sách thiết bị số 2 Công ty Sách thiết bị và Xây dựng trường học
Từ tháng 8/2005 đến tháng 4/2007:	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội
Từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2008:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2008 đến tháng 4/2011:	Phó Giám đốc (nay là Phó TGD) Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2011 đến nay:	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội.
Từ tháng 3/2012 đến nay:	Giám đốc lâm thời Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
Số cổ phần nắm giữ:	Số cổ phần của cá nhân là 33.485 cổ phần, chiếm 0,22% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Bà: Dương Thị Việt Hà - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Dương Thị Việt Hà
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	28/9/1977
Địa chỉ thường trú:	LC62 Vinhomes Thăng Long, Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Tốt nghiệp ngành Kế toán – Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội Tốt nghiệp MBA Quản trị Kinh doanh – Trường Đại học Quốc gia liên kết ĐH Griggs Hoa Kỳ Chương trình đào tạo Kế toán trưởng của trường Kinh tế Quốc dân
Quá trình công tác:	
Từ tháng 8/2001 đến tháng 12/2005:	Kế toán viên phòng Kế toán tài vụ Nhà xuất bản Giáo dục
Từ tháng 1/2006 đến tháng 4/2007:	Kế toán viên phòng Kế toán tài vụ Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội
Từ tháng 5/2007 đến tháng 4/2018:	Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2018 đến nay:	
Số cổ phần:	Số cổ phần của cá nhân là 22.200 cổ phần, chiếm 0,15% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không

Ông: Phan Doãn Thoại - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: Phan Doãn Thoại
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 26/06/1952
Địa chỉ thường trú: 30 B9 tập thể Đại học Sư phạm Hà Nội, tổ 23, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Toán
Quá trình công tác:
Từ năm 1973 đến tháng 9/2003: Khoa Toán – Đại học Sư phạm Hà Nội
Từ tháng 10/2003 đến tháng 10/2015: Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Từ tháng 11/2015 đến tháng nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần nắm giữ: Số cổ phần của cá nhân là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Bà: Nguyễn Thanh Bình - Kế toán trưởng

Họ và tên: Nguyễn Thanh Bình
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 13/01/1983
Địa chỉ thường trú: B1907 Tòa nhà Golden Palace – Mễ Trì Thượng – Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính
Chương trình đào tạo Kế toán trưởng của Học viện Tài chính
Quá trình công tác:
Từ tháng 11/2007 đến tháng 6/2017: Kế toán viên Phòng Kế toán tài vụ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 7/2017 đến tháng 3/2018: Phó Phòng Kế toán tài vụ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Từ tháng 4/2018 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Số cổ phần: Số cổ phần của cá nhân là 2.500 cổ phần, chiếm 0,017% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

II.2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã xác định yếu tố con người là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, cùng với việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Hơn thế nữa, Công ty luôn chăm lo đến mọi mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích nhằm tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Các tổ chức để người lao động tham gia hoạt động: Công ty Có tổ chức Đảng với 30 Đảng viên, có Đoàn thanh niên và Ban chấp hành công đoàn.

Tính đến ngày 31/12/2019, số lượng cán bộ của Công ty là 128 người. Trong đó:

- Số nhân viên nam: 54 người.
- Số nhân viên nữ: 74 người.
- Độ tuổi lao động trung bình: 41,35 tuổi.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ lao động như sau:

- | | |
|-------------------------------------|------------|
| - PGS, Tiến sĩ, Phó tiến sĩ | : 03 người |
| - Thạc sĩ | : 17 người |
| - Đại học | : 81 người |
| - Cao đẳng | : 08 người |
| - Trung cấp, KTV, Lái xe, bằng nghề | : 09 người |
| - Phổ thông | : 10 người |

II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

II.3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Ngày 5/12/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã thực hiện thành công việc mua đấu giá 512.500 cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.

- Ngày 16/12/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã hoàn thành tiếp việc mua lại 125.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây.

- Ngày 04/01/2016, Công ty đã mua thêm 125.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sách

và Thiết bị Trường học Hà Tây từ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang.

Và với việc chiếm tỷ lệ lớn cổ phần tại Công ty CP Sách TBTH Hà Tây giúp công ty có một thị trường ổn định, tiềm năng về tài sản tương đối lớn, ngoài ra do Công ty CP Sách TBTH Hà Tây có hiệu quả sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển nên mỗi năm HEID được hưởng tỷ lệ cổ tức tại đây là từ 10% trở lên.

- Tháng 7/2016, HEID góp 12 tỷ đồng để thành lập mới Công ty CP Đầu tư xuất bản – Thiết bị trường học Việt Nam. Ngày 19/4/2017, giảm vốn góp xuống còn 6 tỷ đồng.

- Ngày 16/9/2016, hoàn thành việc mua: 1.091.500 cổ phần, tương ứng với 10,03% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục.

II.3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

*** Đầu tư vào Công ty con:**

- **Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công:** được đầu tư 125 tỷ đồng (là đơn vị được giao nhiệm vụ kinh doanh và khai thác tòa nhà VP HEID). Năm 2019, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công đã khai thác và cho thuê được 12/12 sàn (đạt tỉ lệ 100% diện tích) với:

+ Doanh thu: 13,008 tỷ đạt 94% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Lợi nhuận: 8,013 tỷ đạt 110% so với cùng kỳ năm 2018.

- **Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục:** tỉ lệ đầu tư là 89% vốn điều lệ tương đương 2,682 tỷ đồng (vốn điều lệ là 3 tỷ đồng). Công ty chuyên kinh doanh các dòng sản phẩm có chất lượng cao trên thị trường, dòng sản phẩm đặc trưng, cao cấp của NXBGDVN mang lại thương hiệu cho NXBGDVN và cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội. Năm 2019:

+ Doanh thu: 7,892 tỷ đồng đạt 107,5% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Lợi nhuận: 0,130 tỷ đồng đạt 156% so với cùng kỳ năm 2018.

- **Công ty CP Sách – TBTH Lạng Sơn:** tỉ lệ đầu tư là 66% vốn điều lệ tương đương 1,98 tỷ đồng (vốn điều lệ là 3 tỷ đồng). Năm 2019:

+ Doanh thu: 6,7 tỷ đồng

+ Lợi nhuận: (0,042) tỷ đồng

*** Đầu tư vào Công ty liên kết:**

Công ty CP Sách – Thiết bị trường học Hà Tây: hiện tại Công ty HEID đang sở hữu 46,34% số cổ phần tại công ty này. Năm 2019:

+ Doanh thu: 132 tỷ đồng, lợi nhuận 4,6 tỷ đồng.

+ Cổ tức 10% đạt 100% so với cùng kỳ năm 2018.

*** Đầu tư khác:**

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội với tỉ lệ sở hữu 4,85% vốn điều lệ Công ty. Năm 2019, Công ty chia cổ tức 10%.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục: với tỉ lệ sở hữu 10.03% vốn điều lệ Công ty.

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Xuất bản sách - thiết bị trường học Việt Nam: 6 tỷ đồng (tỉ lệ 5.52% vốn điều lệ), Công ty này có nhiệm vụ triển khai bộ SGK mới để thực hiện NQ 29/TW và NQ 88 Quốc hội về đổi mới căn bản giáo dục toàn diện. Có nhiều tương lai hứa hẹn về kết quả hoạt động.

II.4. Tình hình tài chính

II.4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	446.112.974.484	468.083.940.499	4,9
Doanh thu thuần	599.102.725.512	652.590.350.767	8,9
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	53.606.170.673	56.754.055.970	
Lợi nhuận khác	(819.697.378)	345.957.909	5,9
Lợi nhuận trước thuế	52.786.473.295	57.100.013.879	
Lợi nhuận sau thuế	40.947.453.996	45.363.135.395	8,2
			10,8

Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,87	2,03	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,90	0,95	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,40	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,70	0,65	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,47	2,40	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,34	1,39	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,068	0,069	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,156	0,160	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,092	0,097	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,089	0,087	

II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

II.5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 15.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu lưu hành: 15.000.000 cổ phiếu.
Cổ phiếu thường: 15.000.000 cổ phiếu.
Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

II.5.2. Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/2/2020 để nhận cổ tức tạm ứng năm 2019 và chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Công ty có tổng số 1.110 cổ đông, cơ cấu như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Tỷ lệ(%)
I	Cổ đông trong nước	1.052	11.433.253	76,2
1	Tổ chức trong nước	13	6.872.933	45,8
2	Cá nhân trong nước	1.039	4.560.320	30,4
II	Cổ đông nước ngoài	34	3.566.747	23,8
1	Tổ chức nước ngoài	08	2.000.800	13,3
2	Cá nhân nước ngoài	26	1.565.947	10,5
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
TỔNG CỘNG		1.110	15.000.000	100

II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

II.5.5. Các chứng khoán khác: Không.

II.6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

II.6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

II.6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này.

II.6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

II.6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

II.6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 128 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 15 triệu đồng/ người.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức lớp tập yoga ngay tại Công ty và khám chữa bệnh định kỳ cho tất cả CB CNV.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

II.6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Năm 2019, công ty đã chú trọng đến hoạt động xã hội, từ thiện xem đó là trách nhiệm của doanh nghiệp. Tổng mức kinh phí để cho hoạt động này là 258 triệu đồng.

II.6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

III.1. Đánh giá môi trường kinh doanh năm 2019

*** Thuận lợi:**

- Năm 2019, Công ty đã tạo ra nguồn sản phẩm để phục vụ nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh vừa đa dạng, vừa phong phú. Trong đó có những sản phẩm được thực hiện vào năm học 2020-2021 (Sách giáo khoa mới lớp 1) đáp ứng được cho nhu cầu giáo dục.

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG
1	Sách hỗ trợ sách giáo khoa	tên sách	161
2	Sách ngoại ngữ	tên sách	112
3	Sách phục vụ Mô hình THM	tên sách	87
4	Sách tham khảo và sản phẩm giáo dục	tên sách	495
5	Sách giáo khoa (Lớp 1)	tên sách	27
6	Thiết bị giáo dục	sản phẩm	30.000
Tổng cộng			30.882

- Tình hình kinh tế vĩ mô ổn định, lãi suất vay ngân hàng hợp lý. Sự nghiệp giáo dục đào tạo tiếp tục đổi mới tạo thuận lợi trong việc tiếp cận thị trường, sức mua cải thiện...

*** Khó khăn:**

- Nhìn chung, mặt bằng đời sống các các tầng lớp dân cư (*nhất là khu vực miền núi*) còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến sức mua.

- Hệ thống các Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học địa phương (*đối tác của Công ty trong việc cung ứng hàng hóa, sản phẩm*) tại các tỉnh, thành phố thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, vốn ít, nguồn lực hạn hẹp trong công tác kinh doanh, Nhiều công ty còn để tình trạng công nợ dây dưa kéo dài hàng năm, không thực hiện nghiêm các điều khoản trong Hợp đồng kinh tế.

- Các sản phẩm kinh doanh của Công ty có các yếu tố cạnh tranh, vì vậy nếu không áp dụng các cơ chế linh hoạt, phù hợp thì khả năng kinh doanh bị hạn chế.

- Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

III.2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh các sản phẩm phục vụ ngành giáo dục - đào tạo:

STT	MẶT HÀNG	KẾ HOẠCH (bản)	THỰC HIỆN (bản)	TL % TH/KH	TL % TH/CK
1	Sách hỗ trợ	26.500.000	31.058.952	117,2%	105,7%
2	Sách ngoại ngữ	6.300.000	6.922.014	109,9%	111,3%
3	Sách HDH VNEN	3.000.000	3.651.099	121,7%	89,0%
4	Sách tham khảo và các SPGD khác	5.500.000	5.899.062	107,3%	93,0%
Tổng cộng		41.300.000	47.531.127	115,1%	102,8%

Đầu tư, kinh doanh khác:

2.1 Đầu tư vào Công ty con:

- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (*đơn vị được giao nhiệm vụ kinh doanh và khai thác tòa nhà HEID*).

- + Đầu tư : 125 tỷ
- + Khai thác : tất cả các sàn được 100%
- + Doanh thu : 13 tỷ (đạt 92,9% kế hoạch)
- + Lợi nhuận : 8 tỷ (đạt 133,3% kế hoạch)

- Công ty CP Sách Dịch và Từ điển Giáo dục:

- + Đầu tư : 2,602 tỷ (89% vốn điều lệ)
- + Doanh thu : 7,9 tỷ
- + Lợi nhuận : 0,130 tỷ đồng

- Công ty CP Sách –TBTH Lạng Sơn:

- + Đầu tư : 1,980 tỷ (66% vốn điều lệ)
- + Doanh thu : 6,7 tỷ đồng
- + Lợi nhuận : (0,042) tỷ đồng

2.2 Đầu tư vào các Công ty liên kết:

- Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây: 46,34% số cổ phần.

Năm 2019, Công ty CP Sách - TBTH Hà Tây có:

- + Doanh thu : 133 tỷ đồng
- + Lợi nhuận : 4,6 tỷ đồng
- + Cổ tức : 10%

2.2 Đầu tư khác:

- Góp vốn vào Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội với tỉ lệ sở hữu 4,85% vốn điều lệ Công ty.

- Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục: 10,3 tỷ. Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh và công tác quản trị. Hội đồng Quản trị đã thông qua Nghị quyết thoái vốn, hiện đang lên phương án triển khai.

- Góp vốn vào Công ty CP Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam: 6 tỷ (5,52% vốn điều lệ). Công ty có nhiệm vụ triển khai xuất bản Bộ Sách giáo khoa mới theo tinh thần Nghị quyết 88 của Quốc hội. Năm 2019 vì không có sản phẩm và doanh thu nên không chia được cổ tức.

Các chỉ tiêu kinh tế:

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019 (tỷ đồng)	Thực hiện (Công ty mẹ) 2019 (đồng)	Thực hiện (hợp nhất) 2019 (đồng)	TL % TH (Công ty mẹ so với KH)	TL % TH (Công ty mẹ so với CK)
1	Tổng doanh thu	515	639.212.702.328	652.590.350.767	124	108,7
2	Lợi nhuận trước thuế	46	49.826.769.108	57.100.013.879	108,3	104,7
3	Lợi nhuận sau thuế		39.972.821.431	45.363.135.395		107
4	Cổ tức	13%	13%		100	100
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2.619		
6	Duy trì đảm bảo các nguồn tích lũy bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển sản xuất, Quỹ dự phòng, v.v.....					

III.3 Tình hình tài chính

III.3.1. Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Tổng tài sản trong năm 2019 của Công ty tăng 4.9% so với 2018. Các khoản phải thu trong năm là 49.875 triệu đồng giảm 38.576 triệu đồng (tương ứng 43,6%) đây là con số khả quan và không mang tính ảnh hưởng xấu bởi thực tế Doanh thu trong năm 2019 tăng 8,9% so với năm 2018. Trong năm 2019 vẫn còn một số khoản nợ phải thu quá hạn nhưng chưa tính là nợ phải thu xấu, vì các đối tác nợ này vẫn còn khả năng thanh toán cao, đồng thời công ty cũng đã có biện pháp trích dự phòng an toàn cho các khoản nợ quá hạn, việc trích dự phòng này làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trong năm là 12.378 triệu đồng.

III.3.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ. Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

- Tình hình nợ hiện tại, có những biến động như sau :

+ Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2019 là 182.923 triệu đồng tăng 807 triệu đồng (tương đương 0,44%) so với cùng kỳ năm 2018. Năm 2019, Công ty vẫn duy trì các khoản đầu tư tại một số đơn vị công ty liên kết và công ty con, tuy cơ cấu sản xuất cũng tăng so với 2019 nhưng khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh giảm. Đồng thời chi phí lãi vay không tăng do Công ty vẫn có nguồn vay ưu đãi lớn dẫn đến có hiệu quả tăng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

+ Nợ dài hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2019 là 2.144 triệu đồng tăng gần 359 triệu đồng (tương đương 20%) so với cùng kỳ năm 2018.

III.4. Kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2020

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2020	TL% SO VỚI NĂM 2019
I	Sản lượng:			
1	Phát hành sản phẩm (<i>sách hỗ trợ, sách ngoại ngữ, sách tham khảo, sách mô hình trường học mới</i>)	triệu bản	40,3	97,6
2	Công suất khai thác Tòa nhà HEID	%	100	100
II	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	535	103,9
III	Lợi nhuận	Tỷ đồng	47	102,1
IV	Cổ tức	%	14	107,7

III.5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

III.6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

III.6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

III.6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

III.6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

IV.1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2019 là năm có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh, tuy nhiên Công ty vẫn nỗ lực cố gắng để đạt và vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã thông qua. Cụ thể:

- Doanh thu (hợp nhất) 652,6 tỷ đồng, đạt 108,9% so với năm 2018.
- Doanh thu (Công ty mẹ) 639,2 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch năm 2019, đạt 108,7% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất) 57,1 tỷ đồng, đạt 108,2% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế (Công ty mẹ) 49,8 tỷ đồng, đạt 108,3% kế hoạch năm 2019, đạt 104,7% so với năm 2018.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (hợp nhất) 2.619 đồng, đạt 111,2% so với năm 2018.
- Cổ tức 13%, đạt 100% so với kế hoạch, đạt 100% so với năm 2018.

IV.2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HDQT đánh giá cao sự nỗ lực cố gắng, tính sáng tạo trong quản lí, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn khai thác, đầu tư vào những dòng sản phẩm mới mang lại hiệu quả cao, nhạy bén trong kinh doanh của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, đã đưa Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao cho trong bối cảnh có nhiều biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HDQT, quy định của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đối với các đơn vị thành viên.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí. Tập trung mọi nguồn lực về tài lực, vật lực, tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tiếp tục tổ chức thực hiện thành công bộ sách giáo khoa mới và phát triển các dòng sản phẩm mới đón đầu chủ trương của Nhà nước “Một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa”. Tiếp tục hoàn thành các bộ sách giáo khoa mới các lớp tiếp theo (sách giấy, sách điện tử, thiết bị dạy học).

- Năm 2020 vẫn phải tiếp tục đầu tư vốn cho việc biên soạn SGK mới, nhưng vẫn cố gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cố tức như năm 2019.
- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cố tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.
- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.
- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

V.1. Hội đồng quản trị

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
1	Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập)	0%	Chánh văn phòng Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,2%	Chủ tịch HĐQT Công ty Sách – Thiết bị trường học Hà Tây

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỉ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh tại Công ty khác
3	Đỗ Thị Phương	Ủy viên HĐQT	0%	Phó Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội
4	Trần Thị Như Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,22%	- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách TBTH Lạng Sơn - Giám đốc Công ty TNHH MTV Hồng Hà – Thành Công
5	Dương Thị Việt Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,15%	

V.1.2. Các tiêu bản thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2019, đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hằng quý và bất thường để triển khai kịp thời những chỉ đạo của HĐQT. Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất và đồng thuận cao của các thành viên.

Nội dung các cuộc họp :

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	25/01/2019	Tạm ứng cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt. Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2	02/NQ-HĐQT	26/03/2019	Thông qua phương án vay vốn theo hạn mức 2019 tại Ngân hàng BIDV Hà Thành
3	03/NQ-HĐQT	11/04/2019	Thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phiếu có mã chứng khoán EFI
4	04/NQ-HĐQT	12/04/2019	Thông qua công tác nhân sự của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
5	05/NQ-HĐQT	22/04/2019	Thông qua công tác chuẩn bị cho việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	07/NQ-HĐQT	06/05/2019	Thông qua phương án vay vốn theo hạn mức 2019 tại Ngân hàng Vietinbank CN Hà Nội
7	08/NQ-HĐQT	11/06/2019	Thông qua công tác nhân sự của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
8	09/NQ-HĐQT	08/07/2019	Thông qua phương án góp vốn vào Công ty CP Sách và TBTH Lạng Sơn
9	10/NQ-HĐQT	16/09/2019	Thông qua kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đến ngày 15/9/2019
10	11/NQ-HĐQT	16/12/2019	Thông qua kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

Nhìn chung, các thành viên của HĐQT đều là những người có bề dày kinh nghiệm, mạng lưới quan hệ rộng rãi và uy tín cao trong ngành giáo dục.

Trong năm 2019, HĐQT luôn tuân thủ thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ của Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực, duy trì và phát huy việc giám sát chặt chẽ đối với hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo thực hiện đúng nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 cùng các mục tiêu chiến lược và kế hoạch đã đặt ra. HĐQT kịp thời chỉ đạo và hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong công tác triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh của Công ty: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kì và bất thường để thông qua các công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và giải quyết, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh cần giải quyết ngay. HĐQT tham dự các cuộc họp sơ kết quý và tổng kết năm để đưa ra các chỉ đạo và định hướng cho Công ty.

Ngoài ra, HĐQT còn phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát giám sát Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất – kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

V.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

V.1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

V.2. Ban Kiểm soát

V.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

STT	Họ Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	0,078%
2	Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát	0 %
3	Phan Đức Minh	Ủy viên Ban Kiểm soát	0 %

V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thành viên ban kiểm soát và các hoạt động:

Ban kiểm soát (BKS) gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm:

- + Bà Nguyễn Thúy Hạnh – Trưởng ban
- + Bà Nguyễn Thị Kim Anh – Kiểm soát viên
- + Ông Phan Đức Minh – Kiểm soát viên

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2019 - 2020, BKS đã tiến hành các hoạt động :

- + Tổ chức họp định kỳ và đột xuất.
- + Tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị khi được mời.
- + Tham dự các cuộc họp sơ kết 6 tháng , 9 tháng và tổng kết năm 2019.
- + Tham gia kiểm kê tài sản, kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng.
- + Xem xét các Báo cáo tài chính định kì hàng quý, các báo cáo tổng hợp hàng quý về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Xem xét các thư trao đổi, báo cáo của đơn vị kiểm toán.
- +Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019.
- + Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

- + Các hoạt động khác trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát

Giữa 2 kì đại hội cổ đông 2019 - 2020, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 lần:

- + Lần 1: Xem xét BCTC 6 tháng năm 2019 và các vấn đề liên quan.
- + Lần 2: Trao đổi , xem xét các ý kiến của kiểm toán độc lập và thẩm định BCTC 2019, thống nhất thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2020.

Ngoài ra, trong năm các thành viên Ban Kiểm soát luôn có sự trao đổi ý kiến thường xuyên về các hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

V.3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

V.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Mức thù lao	Thù lao năm 2019 (đồng/tháng)
Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT	5.000.000
Thành viên HĐQT chuyên trách	4.000.000
Trưởng BKS	2.000.000
Thành viên BKS	1.000.000
Thư ký HĐQT	2.000.000

V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Hợp đồng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Hợp đồng số 04/NXBGDVN/HĐTHXB Về việc Thu phí quản lý xuất bản.
- Hợp đồng số 21/HĐKT-2018, số 37/HĐKT – 2018, số 23/HĐKT – 2018 về việc thuê cơ sở vật chất

- Hợp đồng với Công ty TNHH 1 TV Hồng Hà Thành Công: Hợp đồng số 03-1/2013/HĐ/HHTC-HEID ngày 03/01/2013 về việc: Thuê mặt bằng tầng 4, 5, 8 tại Tòa nhà văn phòng HEID – Ngõ 6A – Phố Thành Công – Phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội.

V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty.

Đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VI.1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 18/03/2020, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

VI.2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		372.314.692.614	340.056.009.956
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	68.289.134.329	53.846.818.651
111	1. Tiền		13.289.134.329	13.846.818.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	20.012.959.200	15.120.950
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(105.817.200)	(103.655.450)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		49.649.241.743	88.195.899.680
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	49.084.215.448	58.928.986.112
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	12.361.342.417	36.693.825.516
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	6.579.373.266	6.803.870.017
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(18.375.689.388)	(14.230.781.965)
140	IV. Hàng tồn kho	10	199.004.883.426	176.493.240.286
141	1. Hàng tồn kho		207.245.396.897	179.324.617.170
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.240.513.471)	(2.831.376.884)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.358.473.916	21.504.930.389
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	34.405.632.741	20.697.634.970
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		613.054.972	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	339.786.203	807.295.419

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.769.247.885	106.056.964.528
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		225.800.000	255.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	225.800.000	255.800.000
220	II. Tài sản cố định		1.735.535.569	4.000.987.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.735.535.569	4.000.987.781
222	- Nguyên giá		12.452.914.873	12.024.314.134
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.717.379.304)	(8.023.326.353)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	60.198.896.618	63.688.687.718
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.045.881.025)	(23.556.089.925)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		300.000.000	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	300.000.000	300.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	27.530.931.258	28.019.971.047
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.093.981.258	15.556.871.047
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		17.581.750.000	17.581.750.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.144.800.000)	(6.118.650.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.778.084.440	9.791.517.982
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	110.208.000	1.604.585.346
269	2. Lợi thế thương mại	15	5.667.876.440	8.186.932.636
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		468.083.940.499	446.112.974.484

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		185.068.044.995	183.901.699.272
310	I. Nợ ngắn hạn		182.923.646.020	182.116.333.472
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	61.278.447.876	34.133.697.620
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		721.839.646	146.834.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.751.509.528	2.114.996.315
314	4. Phải trả người lao động		14.666.431.826	13.700.827.965
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	28.206.307.644	48.195.314.344
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	623.103.955	432.751.205
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	69.223.744.012	76.578.107.039
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.452.261.533	6.813.804.680
330	II. Nợ dài hạn		2.144.398.975	1.785.365.800
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	1.930.237.000	1.785.365.800
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33	214.161.975	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		283.015.895.504	262.211.275.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	283.015.895.504	262.211.275.212
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		71.600.088.528	60.924.766.958
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		19.238.020.574	17.239.379.502
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.774.757.399	31.658.042.100
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>5.478.943.355</i>	<i>1.936.810.741</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>33.295.814.044</i>	<i>29.721.231.359</i>
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.468.373.055	454.430.704
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		468.083.940.499	446.112.974.484

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	667.192.651.992	617.412.526.826
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	14.602.301.225	18.309.801.314
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		652.590.350.767	599.102.725.512
11	4. Giá vốn hàng bán	25	477.947.235.914	435.694.873.178
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		174.643.114.853	163.407.852.334
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	3.538.560.722	2.916.794.774
22	7. Chi phí tài chính	27	10.503.312.343	4.070.916.727
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4.302.768.379</i>	<i>4.537.194.404</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		537.110.211	372.690.303
25	9. Chi phí bán hàng	28	70.713.256.161	63.496.417.376
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	40.748.161.312	45.523.832.635
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.754.055.970	53.606.170.673
31	12. Thu nhập khác	30	517.967.125	414.732.276
32	13. Chi phí khác	31	172.009.216	1.234.429.654
40	14. Lợi nhuận khác		345.957.909	(819.697.378)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.100.013.879	52.786.473.295
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	11.522.716.509	11.839.019.299
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	214.161.975	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.363.135.395	40.947.453.996
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		45.287.660.475	40.940.391.113
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		75.474.920	7.062.883
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	2.619	2.355

Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		57.100.013.879	52.786.473.295
	2. Điều chỉnh cho các khoản		20.598.167.729	17.780.310.482
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		8.615.082.561	8.984.491.056
03	- Các khoản dự phòng		11.582.355.760	7.534.052.541
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.902.038.971)	(3.275.427.519)
06	- Chi phí lãi vay		4.302.768.379	4.537.194.404
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		77.698.181.608	70.566.783.777
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		35.077.114.454	(2.111.907.799)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(25.386.621.945)	(10.407.966.134)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		6.406.680.293	10.736.045.254
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.928.012.906)	(8.424.997.163)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4.311.729.296)	(4.541.646.024)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.012.129.107)	(11.275.743.486)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		110.000.000	15.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.411.088.070)	(5.163.658.905)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		59.242.395.031	39.391.909.520
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(340.783.053)	(663.447.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.000.000.000)	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.395.066.727	2.840.098.327
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.945.716.326)	2.176.651.327
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		385.333.147.017	359.636.489.019
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(392.687.510.044)	(368.886.598.831)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.854.363.027)	(28.750.109.812)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		14.442.315.678	12.818.451.035
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		53.846.818.651	41.028.367.616
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	68.289.134.329	53.846.818.651

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng

Vũ Bá Khánh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 (thay đổi lần 03) ngày 20/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2019 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

1. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty mẹ phải đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm đối với hoạt động kinh doanh sách: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	02 năm
Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25 năm
------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BBC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.15. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

2.16. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động là doanh thu cho thuê tại tòa nhà K3B Thành Công địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội, được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan, được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.26. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2. HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 30/09/2019, Tập đoàn đã mua 66% cổ phần của Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn, một Công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4900844797 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 05/03/2019. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn là kinh doanh sách, thiết bị trường học. Tập đoàn mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	992.599.813	-	992.599.813
Phải thu khách hàng ngắn hạn	738.437.749	-	738.437.749
Phải thu ngắn hạn khác	30.060.214	-	30.060.214
Hàng tồn kho	2.534.157.782	-	2.534.157.782
Chi phí trả trước ngắn hạn	285.607.519	-	285.607.519
Thuế VAT đầu vào được khấu trừ	52.549.700	-	52.549.700
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	263.453.053	-	263.453.053
Cộng tài sản	4.896.865.830	-	4.896.865.830
Nợ phải trả			
Nợ ngắn hạn	2.759.783.144	-	2.759.783.144
Cộng nợ phải trả	2.759.783.144	-	2.759.783.144
Tổng giá trị tài sản thuần	2.137.082.686		2.137.082.686
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			317.408.113
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (66%)			1.819.674.573
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			1.980.000.000
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh			160.325.427

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN			
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Tiền mặt		581.187.564	665.490.874
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		12.707.946.765	13.181.327.777
Các khoản tương đương tiền ^(*)		55.000.000.000	40.000.000.000
		68.289.134.329	53.846.818.651

(*) Tại ngày 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 03 tháng có giá trị 55.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH					
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn		20.000.000.000	-	-	-
-	Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	20.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn		2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
-	Trái phiếu ⁽²⁾	2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
		22.000.000.000	-	1.000.000.000	-

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2019, khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 6,6%/năm.

⁽²⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH								
b) Chứng khoán kinh doanh								
			31/12/2019			01/01/2019		
	Mã chứng khoán	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽³⁾		97.000.000	10.490.000	(86.510.000)	97.000.000	10.391.000	(86.609.000)	
-	Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	4.650.000	(69.950.000)	74.600.000	1.455.000	(73.145.000)
-	Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	5.840.000	(16.560.000)	22.400.000	8.936.000	(13.464.000)
Cổ phiếu đã niêm yết ⁽³⁾		21.776.400	2.469.200	(19.307.200)	21.776.400	4.729.950	(17.046.450)	
-	Công ty CP Mía đường Lam Sơn	LSS	21.500.000	2.450.000	(19.050.000)	21.500.000	4.698.750	(16.801.250)
-	Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	276.400	19.200	(257.200)	276.400	31.200	(245.200)
		118.776.400	12.959.200	(105.817.200)	118.776.400	15.120.950	(103.655.450)	

⁽³⁾ Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên kết								
			31/12/2019			01/01/2019		
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
				VND			VND	
	Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	16.093.981.258	46,34%	46,34%	15.556.871.047
				16.093.981.258			15.556.871.047	

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH						
d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
		31/12/2019		01/01/2019		
		Mã chứng khoán	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
			VND	VND	VND	VND
-	Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽⁴⁾	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
-	Công ty CP Đầu tư xuất bản sách - Thiết bị trường học Việt Nam ⁽⁵⁾		6.000.000.000	(1.159.200.000)	6.000.000.000	(552.000.000)
-	Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục ⁽⁶⁾	EFI	10.369.250.000	(6.985.600.000)	10.369.250.000	(5.566.650.000)
			17.581.750.000	(8.144.800.000)	17.581.750.000	(6.118.650.000)

⁽⁴⁾ Do khoản đầu tư không có giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

⁽⁵⁾ Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

⁽⁶⁾ Giá trị hợp lý được xác định căn cứ theo giá giao dịch bình quân của cổ phiếu EFI trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM tại ngày 28/12/2018 và ngày 31/12/2019 lần lượt là: 4.802.600.000 VND và 3.383.650.000 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HDQT ngày 11/04/2019 đã thông qua chủ trương bán toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục (mã chứng khoán EFI) với số lượng 1.091.500 cổ phiếu, theo giá bán thỏa thuận và phương thức giao dịch khớp lệnh. Trong năm, Công ty chưa thực hiện được việc bán số cổ phiếu này.

Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa
Công ty CP Đầu tư xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam	Hà Nội	5,52%	5,52%	Tổ chức xuất bản sách, thiết bị trường học
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Hà Nội	10,03%	10,03%	Quản lý, khai thác và kinh doanh BĐS; Đầu tư tài chính

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn					
-	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	17.188.566.409	(10.117.117.367)	21.110.316.124	(10.554.186.562)
-	Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	3.958.138.703	-	5.503.391.770	(307.035.060)
-	Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.612.769.325	-	-	-
-	Công ty CP sách và Thiết bị trường học Hải Dương	2.716.780.280	-	3.076.043.774	(286.876.920)
-	Các khách hàng khác	21.607.960.731	(2.239.242.266)	29.239.234.444	(3.060.883.423)
		49.084.215.448	(12.356.359.633)	58.928.986.112	(14.208.981.965)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		21.018.901.254	(10.117.117.367)	23.768.620.035	(10.554.186.562)
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)					

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Nhà Máy in Bộ quốc phòng (trước đây là Nhà máy in Bộ tổng tham mưu)	9.154.989.313	-	17.422.621.831	-
	Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	-	-	2.089.275.717	-
	Công ty CP in Khoa học Công nghệ Hà Nội	-	-	1.314.547.021	-
	Các nhà cung cấp khác	3.206.353.104	(21.800.000)	15.867.380.947	(21.800.000)
		12.361.342.417	(21.800.000)	36.693.825.516	(21.800.000)

8. PHẢI THU KHÁC		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn					
Phải thu lãi tiền gửi		32.500.922	-	62.638.889	-
Tạm ứng		227.342.642	-	586.946.310	-
Ký cược, ký quỹ		135.000.000	-	180.179.000	-
Phải thu khác		6.184.529.702	(5.997.529.755)	5.974.105.818	-
-	Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (*)	6.044.629.755	(5.997.529.755)	5.874.105.818	-
-	Các khoản phải thu khác	139.899.947	-	100.000.000	-
		6.579.373.266	(5.997.529.755)	6.803.870.017	-
b) Dài hạn					
Ký cược, ký quỹ		225.800.000	-	255.800.000	-
		225.800.000	-	255.800.000	-

(*) Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất) theo hình thức tài sản đồng kiểm soát.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa tìm được đối tác để triển khai thực hiện chủ trương này. Công ty đánh giá công tác tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn. Do đó, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

9. NỢ XẤU		31/12/2019		01/01/2019	
Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:					
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
		VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (*)		16.902.821.809	6.785.704.442	21.108.373.124	10.554.186.562
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội		5.997.529.755	-	-	-
Các đối tượng nợ phải thu khác		3.029.561.586	768.519.320	7.746.921.482	4.070.326.079
		25.929.913.150	7.554.223.762	28.855.294.606	14.624.512.641

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

(*) Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh Express gặp nhiều khó khăn nên Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

10. HÀNG TỒN KHO	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	78.446.366.273	-	87.688.742.246	-
Công cụ, dụng cụ	19.099.092	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	44.525.345.869	-	13.225.567.039	-
Thành phẩm	32.774.138.490	(8.240.513.471)	26.230.777.548	(2.831.376.884)
Hàng hoá	47.741.367.137	-	45.854.560.391	-
Hàng gửi đi bán	3.739.080.036	-	6.324.969.946	-
	207.245.396.897	(8.240.513.471)	179.324.617.170	(2.831.376.884)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	13.207.875.127	11.372.329.333
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	224.430.679	-
- Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	3.229.867.987	3.225.953.637
- Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ ⁽²⁾	17.743.458.948	6.099.352.000
	34.405.632.741	20.697.634.970
b) Dài hạn		
- Chi phí mua bản quyền in sách	110.208.000	1.159.642.410
- Chi phí thuê kho, sửa chữa cửa hàng	-	444.942.936
	110.208.000	1.604.585.346

¹⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

²⁾ Phí bán thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	11.011.260.988	1.013.053.146	12.024.314.134	
- Mua trong năm	-	-	77.330.000	77.330.000	
- Tặng do mua công ty con	351.270.739	-	-	351.270.739	
Số dư cuối năm	351.270.739	11.011.260.988	1.090.383.146	12.452.914.873	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	7.435.637.096	587.689.257	8.023.326.353	
- Khấu hao trong năm	43.908.843	2.305.130.855	257.195.567	2.606.235.265	
- Tặng do mua công ty con	87.817.686	-	-	87.817.686	
Số dư cuối năm	131.726.529	9.740.767.951	844.884.824	10.717.379.304	
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	3.575.623.892	425.363.889	4.000.987.781	
Tại ngày cuối năm	219.544.210	1.270.493.037	245.498.322	1.735.535.569	

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.635.078.316 VND.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B Ngõ 6A, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội với nguyên giá là 87.244.777.643 VND, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2019 là 27.045.881.025 VND trong đó khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để cho thuê và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 29/06/2018 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG			
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
	Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa (*)	300.000.000	300.000.000
		300.000.000	300.000.000

(*) Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại dự án này đang tạm dừng đầu tư.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (công ty con) với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng), thời gian phân bổ còn lại là 33 tháng tương ứng giá trị còn lại là 5.667.876.440 VND. Lợi thế thương mại đã phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm là 2.519.056.196 VND;
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn					
-	Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	24.183.517.878	24.183.517.878	8.745.521.502	8.745.521.502
-	Công ty TNHH Phần mềm và Giải pháp Sao Khuê	7.076.150.430	7.076.150.430	-	-
-	Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	3.092.573.276	3.092.573.276	-	-
-	Phải trả cho các đối tượng khác	26.926.206.292	26.926.206.292	25.388.176.118	25.388.176.118
		61.278.447.876	61.278.447.876	34.133.697.620	34.133.697.620
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)		25.394.790.487	25.394.790.487	14.006.455.126	14.006.455.126

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC						
	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	526.033.941	3.913.034.330	3.912.750.179	-	526.318.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.250.274.109	11.522.716.509	12.012.129.107	-	760.861.511
Thuế thu nhập cá nhân	802.452.419	336.482.137	5.931.918.706	5.338.089.650	334.943.203	462.801.977
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	246.629.241	246.629.241	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	2.206.128	37.717.791	38.395.971	4.843.000	1.527.948
	807.295.419	2.114.996.315	21.652.016.577	21.547.994.148	339.786.203	1.751.509.528

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
		Chi phí lãi vay	63.787.174	72.748.091
		Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản	24.327.699.444	40.195.595.541
		Trích trước chi phí xây dựng, duy trì, vận hành, phát triển và khai thác sách mềm	-	4.832.585.522
		Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	1.046.653.242	646.413.242
		Chi phí phải trả khác	2.768.167.784	2.447.971.948
			28.206.307.644	48.195.314.344
19. PHẢI TRẢ KHÁC				
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
		a) Ngắn hạn		
		Kinh phí công đoàn	328.121.801	302.944.291
		Các khoản phải trả, phải nộp khác	294.982.154	129.806.914
		- <i>Cổ tức lợi nhuận phải trả</i>	<i>14.000.000</i>	<i>14.000.000</i>
		- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>280.982.154</i>	<i>115.806.914</i>
			623.103.955	432.751.205
		b) Dài hạn		
		Nhận ký quỹ, ký cược	1.930.237.000	1.785.365.800
			1.930.237.000	1.785.365.800

20. VAY NGẮN HẠN							
		01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội		53.497.663.292	53.497.663.292	219.268.760.985	240.082.942.046	32.683.482.231	32.683.482.231
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam		23.080.443.747	23.080.443.747	12.164.434.428	35.244.878.175	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành		-	-	153.899.951.604	117.359.689.823	36.540.261.781	36.540.261.781
		76.578.107.039	76.578.107.039	385.333.147.017	392.687.510.044	69.223.744.012	69.223.744.012

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:						
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty như sau:						
		Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2019	01/01/2019
					VND	VND
-	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng khế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	32.683.482.231	53.497.663.292
-	Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	-	23.080.443.747
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	VND	Theo từng khế ước	Quyền sở hữu và lợi ích (trừ lãi bằng tiền mặt) của trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	36.540.261.781	-
					69.223.744.012	76.578.107.039

Mục đích của các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU							
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	51.824.750.747	15.369.519.543	26.776.476.873	447.367.821	246.352.770.932
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.940.391.113	7.062.883	40.947.453.996
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.360.296.293	-	(5.360.296.293)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận 2018	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(11.219.159.754)	-	(5.609.579.877)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.739.719.918	1.869.859.959	(5.609.579.877)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.739.719.918)	-	(3.739.719.918)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.869.859.959)	-	(1.869.859.959)
Điều chỉnh do giảm thuế TNDN phải nộp năm trước	-	-	-	-	20.630.161	-	20.630.161
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.934.655.948	60.924.766.958	17.239.379.502	31.658.042.100	454.430.704	262.211.275.212
Lãi trong năm	-	-	-	-	45.287.660.475	75.474.920	45.363.135.395
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(19.500.000.000)	-	(19.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.678.039.427	-	(6.678.039.427)	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2019	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(11.991.846.431)	-	(5.995.923.216)
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	3.997.282.143	1.998.641.072	(5.995.923.215)	-	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.997.282.144)	-	(3.997.282.144)
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(1.998.641.072)	-	(1.998.641.072)
Do mua công ty con trong năm	-	-	-	-	-	937.408.113	937.408.113
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1.059.318)	1.059.318	-
Số dư cuối năm	150.000.000.000	1.934.655.948	71.600.088.528	19.238.020.574	38.774.757.399	1.468.373.055	283.015.895.504

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018 trên Báo cáo tài chính riêng		37.397.199.181
Đã tạm phân phối trong năm 2018 như sau		11.219.159.754
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	3.739.719.918
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.739.719.918
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.869.859.959
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.869.859.959
Phân phối phần lợi nhuận năm 2018 còn lại trong năm nay		26.178.039.427
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	18%	6.678.039.427
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	19.500.000.000
Lợi nhuận năm 2018 còn lại chưa phân phối		-

Căn cứ theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2019 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2019, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2019 trên Báo cáo tài chính riêng		39.972.821.431
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.997.282.143
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.997.282.144
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.998.641.072
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	1.998.641.072

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,06%	7.581.890.000	5,06%
Peter Eric Dennis	7.816.000.000	5,21%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	74.356.110.000	49,57%	74.356.110.000	49,57%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
-	Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
-	Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
-	Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	14.000.000	14.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	19.500.000.000	19.500.000.000
	+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	19.500.000.000	19.500.000.000
	+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	19.500.000.000	19.500.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	14.000.000	14.000.000
d) Cổ phiếu			
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành			
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		15.000.000	15.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		15.000.000	15.000.000
-	Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu			
e) Các quỹ của Công ty			
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
-	Quỹ đầu tư phát triển	71.600.088.528	60.924.766.958
-	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.238.020.574	17.239.379.502
		90.838.109.102	78.164.146.460

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2019, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
-	Từ 1 năm trở xuống	5.154.441.327	4.320.425.000
-	Từ 1 năm đến 5 năm	2.898.181.820	1.178.000.000
-	Trên 5 năm	1.022.727.275	-

Ngoài ra, Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất tại số K3b, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội với Nhà nước nhằm mục đích sử dụng đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh công trình tòa nhà văn phòng cho thuê, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 10/08/2009. Diện tích đất thuê là 1.023 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

b) Nợ khó đòi đã xử lý			
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
- Công ty CP Hồng Hà Dầu khí		1.138.437.100	1.138.437.100
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà số 12		298.772.860	298.772.860
- Các đối tượng khác		2.163.877.841	2.163.877.841
		3.601.087.801	3.601.087.801
23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		659.729.262.713	608.984.993.026
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>		389.376.517.816	332.165.028.371
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>		167.050.061.539	159.318.207.360
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>		52.460.441.752	60.507.742.138
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>		50.842.241.606	56.994.015.157
Doanh thu cung cấp dịch vụ		7.463.389.279	8.427.533.800
		667.192.651.992	617.412.526.826
Doanh thu đối với các bên liên quan		125.192.464.187	120.614.675.954
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)			
24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Chiết khấu thương mại		9.601.942.654	12.844.816.232
Hàng bán bị trả lại		5.000.358.571	5.464.985.082
		14.602.301.225	18.309.801.314
25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán		466.137.844.117	430.450.323.044
- <i>Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>		255.810.154.334	207.965.509.275
- <i>Giá vốn bán sách tham khảo</i>		131.079.531.854	125.120.509.776
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>		52.318.229.379	61.642.414.793
- <i>Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>		26.929.928.550	35.721.889.200
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		6.400.255.210	6.905.011.005
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		5.409.136.587	(1.660.460.871)
		477.947.235.914	435.694.873.178

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.293.241.260	1.831.362.216
		Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.071.687.500	1.071.375.000
		Doanh thu hoạt động tài chính khác	173.631.962	14.057.558
			3.538.560.722	2.916.794.774
		Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 39)	950.000.000	950.000.000
27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Lãi tiền vay	4.302.768.379	4.537.194.404
		Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.169.053.026	-
		Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.028.311.750	(471.621.200)
		Chi phí tài chính khác	3.179.188	5.343.523
			10.503.312.343	4.070.916.727
28. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.148.595.986	329.805.469
		Chi phí nhân công	23.272.491.125	23.222.129.549
		Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	134.836.222	320.848.821
		Chi phí khấu hao tài sản cố định	372.083.023	372.083.040
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.647.646.469	21.006.731.627
		Chi phí khác bằng tiền	23.137.603.336	18.244.818.870
			70.713.256.161	63.496.417.376

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.453.455.567	3.237.706.370
		Chi phí nhân công	14.865.215.496	13.444.190.672
		Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	518.130.341	315.750.641
		Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.234.152.242	2.603.560.720
		Thuế, phí và lệ phí	501.258.481	471.341.376
		Chi phí dự phòng	4.144.907.423	9.666.134.612
		Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.131.927.167	5.858.184.392
		Chi phí khác bằng tiền	6.219.732.972	7.407.907.656
		Lợi thế thương mại	2.679.381.623	2.519.056.196
			40.748.161.312	45.523.832.635

30. THU NHẬP KHÁC				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Nhận tài trợ bản quyền dịch sách	158.043.984	270.684.987
		Thu từ thanh lý hàng tồn kho	253.543.636	-
		Các khoản khác	106.379.505	144.047.289
			517.967.125	414.732.276

31. CHI PHÍ KHÁC				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Chi phí từ nhận tài trợ chi phí bản quyền dịch sách	-	67.671.247
		Xử lý chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không thể thu hồi	-	703.799.505
		Các khoản bị phạt	-	257.758.883
		Các khoản khác	172.009.216	205.200.019
			172.009.216	1.234.429.654

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
		Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	9.853.947.677	10.180.662.921
		Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	1.668.768.832	1.658.356.378
		Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.522.716.509	11.839.019.299

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI				
a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế			214.161.975	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			214.161.975	-
b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế			214.161.975	-
			214.161.975	-
34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU				
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:				
			Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế			45.287.660.475	40.940.391.113
Các khoản điều chỉnh :			(5.995.923.216)	(5.609.579.877)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành (*)</i>			<i>(5.995.923.216)</i>	<i>(5.609.579.877)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông			39.291.737.259	35.330.811.236
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm			15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu			2.619	2.355

(*) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ khen thưởng ban điều hành theo phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2019 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-DHĐCĐ ngày 25/04/2019.

35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		218.247.785.531	161.909.607.786
Chi phí nhân công		39.305.278.383	38.803.565.354
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng		652.966.563	663.658.553
Chi phí khấu hao tài sản cố định		6.096.026.365	6.465.434.860
Thuế, phí và lệ phí		527.693.867	505.634.868
Chi phí dự phòng		4.144.907.423	9.666.134.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài		120.776.673.589	117.655.363.501
Chi phí khác bằng tiền		32.230.897.085	25.862.198.664
Lợi thế thương mại		2.519.056.196	2.519.056.196
		424.501.285.002	364.050.654.394

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH					
Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:					
		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2019		01/01/2019	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.289.134.329	-	-	53.846.818.651	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	55.889.388.714	(18.353.889.388)	-	65.988.656.129	(14.208.981.965)
Các khoản cho vay	22.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(105.817.200)	-	118.776.400	(103.655.450)
Đầu tư dài hạn	11.581.750.000	(6.985.600.000)	-	11.581.750.000	(5.566.650.000)
	157.879.049.443	(25.445.306.588)	-	132.536.001.180	(19.879.287.415)

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		69.223.744.012	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác		63.831.788.831	36.351.814.625
Chi phí phải trả		28.206.307.644	48.195.314.344
		161.261.840.487	161.125.236.008

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Đầu tư ngắn hạn	12.959.200	-	-	12.959.200
Đầu tư dài hạn	-	4.596.150.000	-	4.596.150.000
Cộng	12.959.200	4.596.150.000	-	4.609.109.200
Tại ngày 01/01/2019				
Đầu tư ngắn hạn	15.120.950	-	-	15.120.950
Đầu tư dài hạn	-	6.015.100.000	-	6.015.100.000
Cộng	15.120.950	6.015.100.000	-	6.030.220.950

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay, khoản đầu tư trái phiếu và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.289.134.329	-	-	68.289.134.329
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.309.699.326	225.800.000	-	37.535.499.326
Các khoản cho vay	20.000.000.000	-	2.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	125.598.833.655	225.800.000	2.000.000.000	127.824.633.655
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.846.818.651	-	-	53.846.818.651
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.523.874.164	255.800.000	-	51.779.674.164
Các khoản cho vay	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	105.370.692.815	255.800.000	1.000.000.000	106.626.492.815

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	69.223.744.012	-	-	69.223.744.012
Phải trả người bán, phải trả khác	61.901.551.831	1.930.237.000	-	63.831.788.831
Chi phí phải trả	28.206.307.644	-	-	28.206.307.644
	159.331.603.487	1.930.237.000	-	161.261.840.487
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	76.578.107.039	-	-	76.578.107.039
Phải trả người bán, phải trả khác	34.566.448.825	1.785.365.800	-	36.351.814.625
Chi phí phải trả	48.195.314.344	-	-	48.195.314.344
	159.339.870.208	1.785.365.800	-	161.125.236.008

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN			
Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:			
Giao dịch phát sinh trong năm:			
	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa		125.192.464.187	120.614.675.954
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	415.749.185	344.669.809
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	41.084.160.905	36.675.144.501
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	68.084.712	118.350.633
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.202.520	
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	19.729.543.920	18.972.111.120
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	11.135.884.790	11.568.342.324
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	8.362.676.380	7.550.281.399
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	21.305.413.734	22.222.022.572
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	6.283.042.778	4.995.486.084
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	1.141.806.536	1.975.729.429
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	3.682.800
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	4.453.547.728	5.045.161.311
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	44.781.000	305.195.236
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	716.652.700	245.897.043
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	731.503.999
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	10.430.189.475	9.719.420.463
Côn ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	19.727.824	60.507.370
Công ty CP Đầu tư & Xuất bản giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	2.841.080
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	-	70.457.905
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Tiền Giang	Cùng Tập đoàn	-	7.870.876

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):				
		Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia			1.071.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn		121.250.000	121.250.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết		950.000.000	950.000.000
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng, dịch vụ khác			2.295.186.880	2.009.476.697
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn		1.645.442.979	1.658.652.727
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn		649.743.901	350.823.970
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản			104.032.514.336	83.834.994.541
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ		1.182.816.236	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn		59.995.295.913	51.739.340.827
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết		246.517.096	142.359.618
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn		301.640.251	218.743.732
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn		6.658.832.760	4.800.220.577
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn		8.989.641.428	4.231.484.755
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn		362.353.104	103.136.260
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn		29.562.000	
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn		9.729.790.957	10.480.541.049
Công ty CP Học liệu	Cùng Tập đoàn		450.000.000	5.043.324.207
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn		1.777.003.106	48.783.689
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn		10.342.705.360	5.522.618.419
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn		2.301.748.064	1.504.441.408
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn		74.040.540	-
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn		100.295.685	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn		766.826.400	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn		723.445.436	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		21.018.901.254	23.768.620.035
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	331.337.464	255.880.128
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	31.454.086	41.953.973
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.914.378	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	1.523.587.276	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	334.288.059	395.362.735
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.420.404.999	1.737.111.280
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	56.463.700
Công ty CP Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	144.423.883	80.368.462
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	82.388.633
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	-	8.775.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	17.188.566.409	21.110.316.124
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Cần Thơ	Cùng Tập đoàn	32.924.700	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	10.959.810
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn	-	10.959.810
Công ty CP Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	100.000.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn		25.394.790.487	14.006.455.126
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	24.183.517.878	8.745.521.502
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	46.050.036
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	3.483.555.843
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	19.001.860	19.001.860
Công ty CP sách và thiết bị trường học Hà Tây	Cùng Tập đoàn	-	284.000
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	1.169.280
Công ty CP Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	11.923.378	11.914.378
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.180.347.371	1.676.642.627
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	22.315.600
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc		985.014.668	814.282.591
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2.269.948.800	2.355.197.630

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Bá Khánh